

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HSST

Ngày 19/03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hồ Huân Chương và bà Nguyễn Thị Thanh Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ, ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLST- HS, ngày 26/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 19/10/2000 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn H1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị T2; Hiện cư trú tại Thôn H1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị, em ruột: T là con một trong gia đình. Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* **Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn H1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt);

* **Người bị hại:** Anh Võ Nam T2, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn B, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

* **Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:** anh Lê Hữu B, sinh 2002; Trú tại: Thôn H2, xã S2, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

* **Người đại diện hợp pháp của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:** ông Nguyễn Công H; Trú tại: Thôn H2, xã S2, huyện H, Hà Tĩnh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 02/12/2017, Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/6/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 19/10/2000; đều trú tại xã S, huyện H cùng nhau chơi điện tử tại quán Internet T thuộc khối 10, thị trấn P. Chơi được một lúc thì cả hai đi về nhà, trên đường đi T3 nảy sinh ý định trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài nên nói với T “*ta làm cạy hê*”(ý T3 rủ T tham gia trộm cắp xe máy), nghe T3 nói vậy, T hiểu và đồng ý. T3 bảo T chuẩn bị một thanh kim loại để làm “Vam” và một chiếc cờ lê để làm công cụ phá khóa lấy trộm xe máy thì T đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T3 và T đi đến cửa hàng mua bán sửa chữa xe máy Honda P ở khối 12, thị trấn P. Tại đây T vào cửa hàng mua một thanh kim loại lục giác màu trắng, dài khoảng 9cm rồi đưa cho T3 cất giữ và hẹn nhau khoảng 18 giờ ra đoạn đường lồi thuộc thôn H1, xã S để chế tạo “vam” phá khóa. Như đã hẹn trước đó, cả hai có mặt tại đường lồi thuộc thôn H1, xã S rồi thay nhau mài thanh kim loại đó thành một đầu dẹt để tạo thành một chiếc “Vam”. Sau khi mài xong, T đưa chiếc “Vam” và Cờ lê cho T3 cất giữ rồi cả hai cùng đi về nhà. Đến khoảng 8h giờ ngày 03/12/2017, T đi đám cưới tại nhà ông Trần Đình H1 ở cùng thôn thì gặp T3. Tại đây cả hai tiếp tục bàn bạc tìm xe máy của những người đi đám cưới sơ hở thì lấy trộm. Đến khoảng 10h30 phút cùng ngày, anh Võ Nam T2, sinh năm 1975, trú tại thôn B, xã S1, huyện H đi xe máy nhãn hiệu Exciter, màu trắng xanh, BKS 38H1-BB.91 vào dựng ở ngõ nhà ông H1 rồi đi vào trong khu vực đám cưới. Thấy vậy, T3 đi bộ tiến lại gần chiếc xe máy đó rồi dùng “Vam” phá khóa ổ điện, còn T đứng gần đó quan sát, canh giới. Thấy T3 không phá khóa được, nên T đi đến và dùng Vam phá khóa thì phá được ổ khóa điện chiếc xe máy. T đưa cờ lê và Vam cho T3 cất giữ, rồi điều khiển xe máy nói trên chở T3 chạy đến nhà Lê Hữu B, sinh năm 2002 ở thôn H2, xã S2 để gửi chiếc xe máy vừa lấy trộm. Khi cả hai đi đến khu vực ao cá của gia đình nhà ông Nguyễn Thái S ở thôn C, xã S2 thì T3 và T tháo biển số xe trộm được vứt xuống ao cá để tránh bị phát hiện, sau đó T3 và T tiếp tục điều khiển xe máy đi đến nhà B, trên đường đi thì gặp B, T nói với B “*cho anh gửi cái xe*”, B đồng ý, nhưng trên đường đưa xe về nhà B thì T3 và T nhận thức được hành vi trộm cắp xe máy của mình là vi phạm pháp luật nên đã tự nguyện đưa xe và các công cụ phá khóa xe đến Công an đầu thú và giao nộp tài sản.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện H xác định: Chiếc xe máy của anh Võ Nam T2 tại thời điểm mất trộm trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Riêng đối với bị can Nguyễn Anh T3 trong quá trình điều tra đã bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ra Quyết định truy nã và quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Anh T3 để xử lý sau.

Với hành vi trên, tại cáo trạng 04/2018/CT-VKS, ngày 23/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

*** Về vật chứng vụ án:**

+ Một chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter, sơn màu trắng – xanh, không đeo biển kiểm soát, số khung 3570BB, số máy 3571CC, đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ Một thanh kim loại lục giác 06 cạnh hình chữ L màu trắng sáng và một chiếc Cờ lê 10 bằng kim loại, màu trắng sáng, dài 14,5cm đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, tiết đầu điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60, 74 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 41 BLHS 1999, điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử: Tịch thu, tiêu hủy các công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội.

Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo là do bị rủ rê lôi kéo; bị cáo đang còn tuổi vị thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục tham gia học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về mặt dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 10h 30 phút, ngày 03/12/2017, tại nhà ông Nguyễn Đình H1 ở Thôn H1, xã S, huyện H, bị cáo Nguyễn Văn T đã cùng với Nguyễn Anh T3 có hành vi lén lút dùng “Vam” phá khóa ổ điện lấy trộm chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter, sơn màu xanh – trắng, biển kiểm soát 38H1-114.BB trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của anh Võ Nam T, sinh năm 1975, trú tại thôn B, xã S1, huyện H đến dự đám cưới nhà ông H1.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ*

sáu tháng đến ba năm". Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân; bị cáo có quá trình chuẩn bị công cụ (vạm phá khóa), lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để phá khóa thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đầu thú; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[5] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T mới 17 tuổi 01 tháng 14 ngày nên được hưởng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự 2015. Theo đó việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn T không được quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù mà điều luật quy định.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Đối với Nguyễn Anh T3 là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với Nguyễn Văn T. Tuy nhiên trong quá trình điều tra T3 đã bỏ trốn nên ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ra Quyết định truy nã số 01 và ngày 20/02/2018 ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Anh T3 để xử lý sau là phù hợp với quy định tại Điều 170 BLTTHS 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên HĐXX miễn xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: các vật chứng vụ án gồm: Một thanh kim loại lục giác 06 cạnh hình chữ L màu trắng sáng, phần thân chữ L dài 09cm, phía trên dẹt, bị uốn cong, phần chân chữ L dài 04cm; Một chiếc Cờ lê 10 bằng kim loại, màu trắng sáng, dài 14,5cm, trên thân cờ lê một mặt khắc chìm dãy ký tự "10YETI USA Standard 10", mặt còn lại khắc chìm dãy ký tự "10 CHROME – VANADIUM 10" là những công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS 1999; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí và Q kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 60, Điều 74 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 51BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

2. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999, điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS 2015 xử: tịch thu, tiêu hủy một thanh kim loại lục giác 06 cạnh hình chữ L màu trắng sáng, phần thân chữ L dài 09cm, phía trên dẹt, bị uốn cong, phần chân chữ L dài 04cm; Một chiếc Cờ lê 10 bằng kim loại, màu trắng sáng, dài 14,5cm, trên thân cờ lê một mặt khắc chìm dãy ký tự “10YETI USA Standard 10”, mặt còn lại khắc chìm dãy ký tự “10 CHROME – VANADIUM 10”. T2 trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16/01/2018 giữa Cơ quan điều tra huyện Hương Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, Bị cáo, người bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương sơn;
- Công an huyện Hương sơn;
- Chi cục THA Dân sự Hương sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Sơn Trung;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Nhân

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VP.